

Bản án số: 19/2018/KDTM-ST

Ngày 12-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ; trụ sở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980; địa chỉ: 831 Huỳnh Văn L, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh B, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/4/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D; trụ sở: Số 35/9, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn T; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy H; địa chỉ: Số 35/9, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Ông Lê Nguyễn Trường H; địa chỉ: Số 35/9, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Đầu tháng 01 năm 2017 sau khi thống nhất giá cả, Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Công ty D) bắt đầu đặt mua hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Công ty Đ). Hàng tám carton là hàng có sẵn quy cách, nên hai bên thống nhất không ký hợp đồng bằng văn bản mà việc mua bán được thực hiện bằng hình thức: Công ty Đ nhận đơn đặt hàng qua email của Công ty D và giao hàng. Từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2017, giá trị đơn hàng Công ty Đ đã giao cho Công ty D được thể hiện theo các hóa đơn VAT đã xuất: Ngày 17/01/2017 là 234.488.498 đồng, ngày 25/02/2017 là 255.106.566 đồng, ngày 30/3/2017 là 330.645.385 đồng, tổng cộng là 820.240.450 đồng. Từ ngày 06/3/2017 đến ngày 20/7/2017 công ty D đã chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền mua hàng của các hóa đơn ngày 17/01/2017, ngày 25/02/2017 và một phần tiền hàng của hóa đơn ngày 30/3/2017. Còn nợ lại một phần tiền hàng của hóa đơn ngày 30/3/2017 với số tiền 260.678.385 đồng. Công ty D hẹn tháng 12/2017 sẽ thanh toán dứt điểm nhưng không thanh toán. Do đó, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền 260.678.385 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 21/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi do chậm thanh toán.

- Về phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo , triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/6/2018 và 13/7/2018; triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2018 và 12/9/2018 nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại văn bản ngày 30/8/2018 người làm chứng ông Lê Nguyễn Trường H trình bày:*

Ông là nhân viên kinh doanh của Công ty D từ năm 2011 đến năm 2015, sau năm 2015 ông là thành viên góp vốn của công ty với số vốn chiếm 47%. Ông có nghe nói về việc mua bán giữa Công ty Đ và Công ty D, tuy nhiên việc

mua bán cụ thể ra sao thì ông không biết được, vì ông chỉ là thành viên góp vốn và không trực tiếp làm việc tại công ty.

- *Tại văn bản ngày 30/8/2018 người làm chứng bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Từ năm 2009 tới cuối tháng 2/2017, bà là nhân viên kế toán công nợ của Công ty D. Quá trình làm việc tại Công ty, bà có biết về việc mua bán hàng hóa giữa Công ty Đ và Công ty D. Cụ thể: Khoảng tháng 1/2017, Công ty D có mua hàng tám carton của Công ty Đ, hình thức mua hàng là Công ty D đặt hàng qua email, bên Công ty Đ nhận đơn hàng rồi chuyển hàng cho Công ty D. Việc giao nhận hàng có thể hiện qua phiếu xuất kho của Công ty Đ, khi công ty Đ giao hàng, thì có một số lần bà nhận hàng và có khi có nhân viên khác tên L (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ) nhận hàng. Sau khi nhận hàng, thì gom các phiếu xuất kho đến cuối tháng thì hai bên tính công nợ một lần, việc tính công nợ thực hiện qua email, bên Công ty Đ xuất hóa đơn VAT gửi cho Công ty D. Sau khi nhận được hóa đơn, từ 15 đến 20 ngày sau Công ty D sẽ thanh toán tiền. Còn thực tế Công ty D có thanh toán tiền cho Công ty Đ hay không thì bà không biết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn Công ty D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 24/8/2018 và ngày 12/9/2018 nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty Đ và Công ty D: Mặc dù hai bên không có thiết lập hợp đồng bằng văn bản nhưng Công ty Đ cung cấp được Sao kê tài khoản của Công ty Đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương (Sao kê tài khoản), trong khoảng thời gian từ 01/3/2017 đến 20/7/2017 Công ty D có rất nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ với nội dung “Cty D thanh toán tiền hàng Cty Đ”. Điều này phù hợp với các phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Đ cung cấp. Đủ cơ sở xác định giữa Công ty Đ và Công ty D có giao dịch mua bán hàng hóa là hàng tám carton.

[3] Nguyên đơn cung cấp 03 Hóa đơn giá trị gia tăng (HĐ): HĐ số 0001358 ngày 17/01/2017 số tiền 234.488.498 đồng, HĐ số 0001382 ngày 25/02/2017 số tiền 255.106.566 đồng và HĐ số 0001423 ngày 30/3/2017 số tiền 330.645.385 đồng. Đối chiếu với Sao kê tài khoản về các lần Công ty D chuyển

tiền vào tài khoản Công ty Đ thể hiện: Ngày 06/3/2017 chuyển số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: Cty D TT tiền hàng Cty Đ T01.17; ngày 14/3/2017 chuyển số tiền 134.871.988 đồng, nội dung: Công ty TNHH D TT tiền hàng Đ: Hết T01/2017; ngày 05/4/2017 chuyển số tiền 99.983.500 đồng, nội dung: Công ty TNHH D TT tiền hàng Đ: Hết T02/2017; ngày 27/4/2017 chuyển số tiền 99.989.000 đồng, nội dung: Cty TNHH D TT tiền hàng Cty Đ T02.2017; ngày 11/5/2017 chuyển số tiền 55.095.566 đồng, nội dung: Cty TNHH D TT tiền hàng Cty Đ T02/2017 hết HĐ 1382. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ xác định Công ty D đã thanh toán dứt điểm tiền hàng của HĐ số 0001358 ngày 17/01/2017 và HĐ số 0001382 ngày 25/02/2017.

[4] Đối với HĐ số 0001423 ngày 30/3/2017 số tiền 330.645.385 đồng, Công ty D chỉ thanh toán được một phần là 69.967.000 đồng, thể hiện qua 02 đợt chuyển tiền trong tháng 7/2017: Ngày 04/7/2018 chuyển số tiền 19.978.000 đồng, nội dung: CT TNHH D TT HD 1423 CT Đ T03.17; ngày 20/7/2017 chuyển 49.989.000 đồng, nội dung: Cty TNHH D TTT hàng Cty Đ T03.2017 HD 1432. Xét thấy, trong nội dung chuyển tiền của cả hai đợt này đều ghi thanh toán tiền hóa đơn 1432. Chứng từ hóa đơn 1432 công ty Đ đã xuất giao cho Công ty D nên mới có số hóa đơn ghi vào nội dung thanh toán khi chuyển tiền thanh toán qua tài khoản. Tổng số tiền thanh toán theo hóa đơn 1432 là 330.645.000 đồng. Như vậy, Công ty D còn nợ lại số tiền 260.678.385 đồng. Luật Thương mại hiện hành quy định về nghĩa vụ thanh toán tiền hàng tại Điều 50 như sau: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”. Bên bán Công ty Đ đã giao hàng, đã xuất hóa đơn VAT nên bên mua Công ty D có nghĩa vụ phải thanh toán. Thực tế Công ty D đã thanh toán 1 phần giá trị của hóa đơn này. Hiện nay, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty D trả số tiền còn nợ lại là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với tiền lãi nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính trên tổng số tiền phải trả cho Công ty Đ theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50 Luật Thương mại; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 144, 147, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D trả tiền lãi do chậm thanh toán.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tiền mua hàng còn thiếu là 260.678.385 (hai trăm sáu mươi triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn D không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải nộp 13.034.000 (mười ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn) đồng. Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ 7.176.000 (bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019397 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

